TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 69/2025/DS-ST
Ngày: 22-09-2025
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Đăng
2. Ông Lê Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2025/TLST- DS ngày 18 tháng 2 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2025/QĐST – DS ngày 06 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S1)

Địa chỉ trụ sở: 266-268, N, phường V, quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: Số C đường D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh B;

Ủy quyền tham gia tố tụng cho: Bà Trần Thị Thu T – Chuyên viên (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành D1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ H, khu phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Ngày 15/06/2023, Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Thành D1 đã ký hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 307/2023/CNBR với nội dung Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Classic cho ông D1 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 26,6%/ năm (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D1 đã thực hiện đăng ký khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S1 là 90.000.000 đồng.

Khoản vay tiêu dùng S1 số 211251 - 9478: từ ngày giải ngân số tiền 90.000.000 đồng, ông D1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 22.400.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 25/04/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của S1 (Điều 4, 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S1).

Tính đến ngày 22/9/2025, Ông D1 còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ thể hiện tại bản tóm tắt sao kê đính kèm):

Khoản vay tiêu dùng S1 211251 - 9478:

Nợ gốc: 79.436.800 đồng.

Lãi quá hạn: 56.594.390 đồng.

Tổng cộng: 136.031.190 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc với lãi suất quá hạn là 2,325%/ tháng (1,55% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (từ ngày 25/04/2024) cho đến hiện tại.

Nay, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu ông Nguyễn Thành D1 thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/9/2025 là 136.031.190 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 79.436.800 đồng, lãi quá hạn: 56.594.390 đồng.

Yêu cầu ông Nguyễn Thành D1 tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 15/6/2023.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành D1:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Nguyễn Thành D1 theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông D1

không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn ông D1 theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông D1 phải thanh toán nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ đã ký với Ngân hàng TMCP S, cụ thể khoản nợ tính đến ngày 22/9/2025 là 136.031.190 đồng. Buộc ông D1 tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi và phí phát sinh tính từ ngày 23/9/2025 cho đến khi Ngân hàng TMCP S thu hồi hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 307/2023/CNBR được ký kết vào ngày 15/6/2023 giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Thành D1 với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, nay có phát sinh tranh chấp nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Bị đơn ông D1 cư trú tại tổ H, thôn Đ, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thành D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên:

Ngân hàng TMCP S thực hiện giao dịch cung cấp tín dụng cho ông D1 theo hình thức thẻ tín dụng cá nhân, loại hình thẻ Visa Classic, hợp đồng được lập thành văn bản thể hiện tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" số 307/2023/CNBR" ký ngày 15/6/2023. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng các chủ thể tham gia ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận, nội dung thỏa thuận không trái quy định hay vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thi hành.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng tín dụng các bên đã ký và báo cáo tính lãi chi tiết thẻ do Ngân hàng TMCP S cung cấp xác định: Ngân hàng TMCP S cung cấp cho ông D1 loại thẻ: Visa Classic; hạn mức: 100.000.000 đồng, ông D1 đã đăng ký khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S1 là 90.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất cho vay: 26,6%/năm; lãi quá hạn….., phí sử dụng thẻ.....kỳ hạn trả lãi vay: ngày 05 hàng tháng.

Ngày 02/8/2018 Ngân hàng TMCP S đã kích hoạt sử dụng thẻ và giải ngân cho ông D1. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông D1 đã thực hiện các giao dịch gồm rút tiền mặt nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông D1 phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi và các khoản phí phát sinh cho việc sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng.

Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S xác định tính đến ngày 22/9/2025 là 136.031.190 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 79.436.800 đồng, lãi quá hạn: 56.594.390 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu ông D1 cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh quá trình vay và thanh toán của mình, tuy nhiên ông D1 từ chối tham gia tố tụng, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong trường hợp này bị đơn được xem là cố tình vắng mặt nhằm từ chối thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Việc ông D1 không thanh toán nợ đúng hạn là vi phạm thoả thuận tại Mục cam kết của khách hàng tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" số 307/2023/CNBR ký ngày 15/06/2023. Nên căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự cần buộc ông D1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S Thương số tiền nợ gốc là 79.436.800 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi, phí chậm trả: Ngân hàng TMCP S xác định tính đến ngày 22/9/2025 lãi quá hạn ông D1 phải thanh toán là 56.594.390 đồng.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định lãi suất trong hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng được áp dụng theo cơ chế tự thỏa thuận, miễn không chạm mức lãi suất do pháp luật hình sự cấm thì được công nhận. Do đó mức lãi suất cho vay thể hiện tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp

thẻ tín dụng cá nhân" số 307/2023/CNBR ký ngày 15/06/2023 là 26,6%/năm là phù hợp.

Tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng như sau: *"Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi. Các hình thức thông báo và cung cấp thông tin về phí cho chủ thẻ phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ. Thời gian từ khi thông báo đến khi áp dụng các thay đổi về phí tối thiểu là 07 ngày và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ".*

Mặc dù tại "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" số 307/2023/CNBR" ký ngày 15/06/2023 không thể hiện cụ thể mức lãi suất và các khoản phí khác nhưng tại mục cam kết thể hiện *"Điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng S1 sẽ được công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của S1 (www.S1.com.vnhay tại bất kỳ điểm giao dịch S1 bào hoặc được cung cấp bởi Trung tâm dịch vụ khách hàng S1 theo số 1800585888"*. Như vậy "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" số 307/2023/CNBR" ký ngày 15/06/2023 có thể hiện nội dung dẫn chiếu thông tin về điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP S trong đó có quy định về mức lãi suất và các khoản phí khác. Do đó mức lãi suất quá hạn ……..theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc ông D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngoài việc thanh toán nợ gốc thì ông D1 còn phải thanh toán lãi trong hạn và các chi phí sử dụng thẻ theo hợp đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông D1 phải thanh toán tiền lãi và các khoản phí phát sinh tính đến ngày 22/9/2025 là 56.594.390 đồng và ông D1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản lãi và phí phát sinh tính từ ngày 23/9/2025 cho đến khi Ngân hàng TMCP S thu hồi hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc ông D1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 22/9/2025 là 136.031.190 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 79.436.800 đồng, lãi quá hạn: 56.594.390 đồng.

Ông D1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán các khoản lãi và phí phát sinh tính từ ngày 23/9/2025 cho đến khi Ngân hàng TMCP S thu hồi hết nợ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Thành D1 đóng án phí dân sự sơ thẩm là 136.031.190 đồng x 5% = 6.802.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ các Điều 13, 14, 21 Thông tư quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng số 21/VBHN-NHNN ngày 16/7/2024 của Ngân hàng N;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Thành D1 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc ông Nguyễn Thành D1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 22/9/2025 là là 136.031.190đ (một trăm ba mươi sáu triệu không trăm ba mươi mốt nghìn một trăm chín mươi đồng). Trong đó: Nợ gốc: 79.436.800đ (bảy mươi chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng), lãi quá hạn: 56.594.390đ (năm mươi sáu triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi đồng).

Ông Nguyễn Thành D1 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán tiền lãi và các khoản phí phát sinh kể từ ngày 23/9/2025 theo "Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân" số 307/2023/CNBR ký ngày 15/06/2023 cho đến khi Ngân hàng TMCP S thu hồi hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành D1 phải nộp số tiền 6.802.000đ (sáu triệu tám trăm lẻ hai nghìn đồng).

H1 lại cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền 2.490.000đ (hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002767 ngày 13/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HM;
- VKSND KV12-Tp.HCM;
- THA dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Hiền